

Số: 131/2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư
và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, dạy nghề, văn hoá, thể thao, môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp) và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch theo hệ thống tập trung, phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn.

2. Các công trình cấp nước nhỏ lẻ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là các tổ chức, cá nhân) thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn.

Điều 3. Điều kiện và nguyên tắc thực hiện

1. Điều kiện:

Các tổ chức, cá nhân phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chuyển giao công nghệ; có năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguyên tắc thực hiện:

a) Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phải theo quy hoạch và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định nhằm nâng cao đời sống cộng đồng dân cư.

b) Tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA, vốn đóng góp của cộng đồng, hiến tặng, để xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ lợi ích của cộng đồng, không được chia hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

Điều 4. Các chính sách khuyến khích hỗ trợ trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn

1. Ưu đãi về đất đai:

a) Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phục vụ cho cộng đồng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, hoặc được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền sử dụng đất.

b) Đất được Nhà nước giao, cho thuê không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất; không được thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để vay vốn; không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh.

c) Việc sử dụng đất được giao hoặc thuê phải đúng mục đích và các quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả Nhà nước sẽ thu hồi.

2. Ưu đãi về thuế:

a) Các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ hoạt động quản lý, khai thác các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

b) Đối với cơ sở có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau, ngoài các hoạt động quy định tại điểm a, khoản 2, Điều này, phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động vốn:

Các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án, công trình cấp nước nông thôn:

a) Được hưởng mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

+ Không quá 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ;

+ Không quá 60% đối với vùng đồng bằng, vùng duyên hải;

+ Không quá 75% đối với các vùng nông thôn khác;

+ Không quá 90% đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới.

Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn ở các địa phương không thuộc địa bàn kinh tế-xã hội khó khăn, có khả năng thu đủ chi phí, tính đúng, tính đủ theo quy định, thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức thu, đối tượng thu và cách sử dụng nguồn thu đó.

b) Được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định hiện hành.

c) Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.

d) Được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn:

Trường hợp giá bán nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thấp hơn giá thành được tính đúng, tính đủ theo quy định, thì hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

Điều 5. Mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn:

1. Tùy theo điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương có thể áp dụng một trong các mô hình sau:

a) Tư nhân quản lý, vận hành;

b) Hợp tác xã quản lý, vận hành;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, vận hành, bao gồm: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Ban quản lý nước sạch...;

d) Doanh nghiệp quản lý, vận hành, bao gồm: Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, Công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi....

2. Các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đều có thể quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn theo các hình thức thỏa thuận, đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định hiện hành.

Điều 6. Xử lý tài sản khi thay đổi tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn

1. Đối với loại tài sản, công trình được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước:

a) Khi thay đổi tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác các cơ sở cung cấp nước sạch nông thôn phải tiến hành kiểm kê, đánh giá lại tài sản để thu hồi, giao lại cho tổ chức, cá nhân khác quản lý, khai thác, vận hành cung cấp dịch vụ.

b) Việc chuyển giao hoặc giao khoán, cho thuê hoặc bán phần tài sản thuộc sở hữu nhà nước, do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định và theo quy định hiện hành.

Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác cơ sở cung cấp nước sạch được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm nộp khấu hao tài sản cố định đối với tài sản đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước vào ngân sách địa phương, để tạo nguồn kinh phí đầu tư các công trình cấp nước sạch và mở rộng đối tượng thụ hưởng. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức thu, phương thức thu, nộp và sử dụng nguồn thu này.

c) Trường hợp tài sản, công trình không có tổ chức, cá nhân nào nhận khoán, thuê hoặc mua lại, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư tại địa phương đó quản lý, khai thác, vận hành, không chia cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác.

d) Trường hợp tài sản, công trình không còn khả năng sử dụng thì Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức thanh lý phần tài sản thuộc sở hữu nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Đối với loại tài sản, công trình hình thành từ các nguồn vốn ngoài vốn ngân sách nhà nước hoặc không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, khi chuyển đổi chủ sở hữu, bán lại hoặc tổ chức lại thành các loại hình doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch tại các khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các chính sách tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức lập quy hoạch tổng thể về cấp nước sạch nông thôn trong phạm vi của địa phương làm cơ sở xây dựng các dự án, kế hoạch hỗ trợ, kế hoạch xúc tiến và kêu gọi đầu tư.

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nông thôn theo quy hoạch được duyệt, bảo đảm hoạt động cấp nước sạch được thực hiện liên tục, bảo vệ môi trường bền vững; quy định cụ thể việc phân công, phân cấp cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp dưới để thực hiện các nhiệm vụ.

c) Ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư cụ thể, phù hợp với các quy định của pháp luật để thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn của tỉnh.

d) Điều phối các nguồn vốn ngân sách và có nguồn gốc ngân sách, vốn viện trợ quốc tế để hỗ trợ, trợ giá cho các dự án cấp nước sạch nông thôn do các tổ chức, cá nhân thực hiện bảo đảm đúng mục đích, đối tượng, địa bàn ưu tiên, tránh trùng lặp và hiệu quả.

đ) Định kỳ và đột xuất kiểm tra hoạt động của các công trình cấp nước, về chất lượng nước; giải quyết kịp thời khi có khiếu nại, tố cáo, phản ánh về chất lượng nước hoặc tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nước sạch nông thôn.

e) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong suốt quá trình đầu tư, khai thác các công trình, đồng thời bảo đảm quyền lợi của người sử dụng, của cộng đồng.

g) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện dịch vụ cấp nước sạch nông thôn theo quy định pháp luật.

h) Có kế hoạch và tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực này, ưu tiên thực hiện tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Điều 9. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). XH

Đã ký

Nguyễn Sinh Hùng